CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng

Ngày 30/06/2025	27,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**5.7%**	**0.0%**

DT thuần
Q2/25
15.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 3.3%
YoY: ▼2.10| -12.4%

LN thuần
Q2/25
5.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.17| -29.0%
YoY: ▼7.09| -57.2%

LN sau thuế
Q2/25
6.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.57| -8.2%
YoY: ▼4.23| -39.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
47.5%
YoY: +/-▼ 12.4%

ROE (TTM)
Q2/25
3.7%
YoY: +/-▼ 0.6%

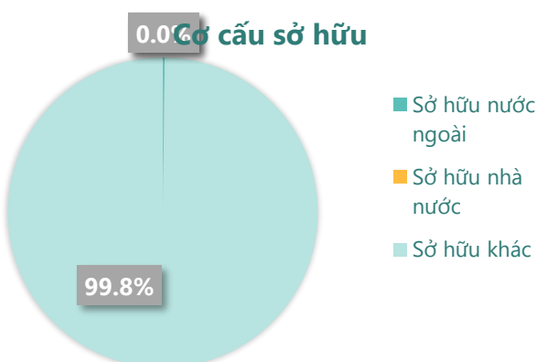
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,401 - 29,314
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
Số lượng CPLH (CP)	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.03)
EPS	1,248
P/E	21.6

DT thuần
6T 2025
29.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.40| -17.8%

LN thuần
6T 2025
12.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.3| -54.6%

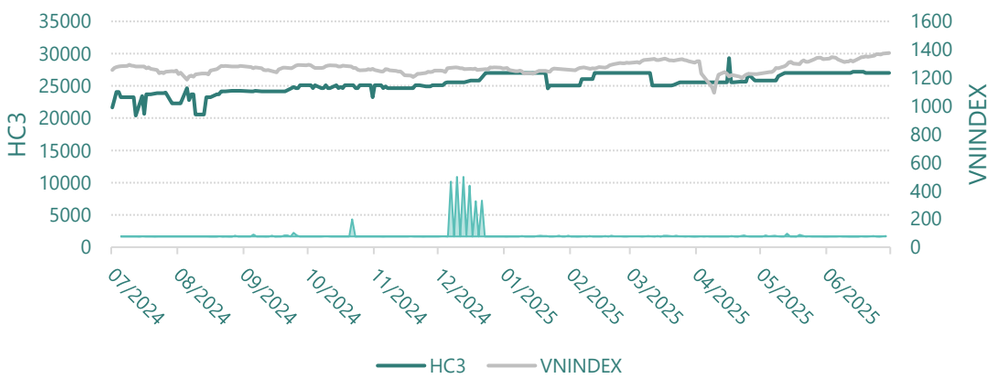
LN sau thuế
6T 2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.5| -44.2%

Cơ cấu sở hữu

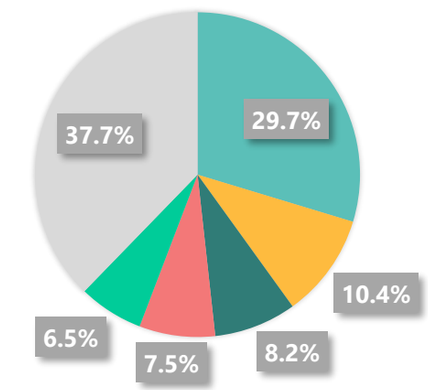


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

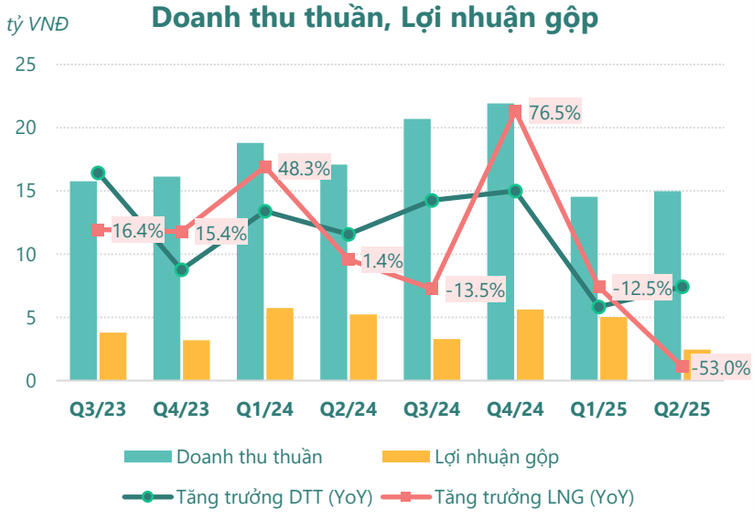


- Phạm Kỳ Hưng (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Đức Duy (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Thúy (Thành viên HĐQT)
- Phạm Thị Kim Thoa
- Đào Viết Trúc
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

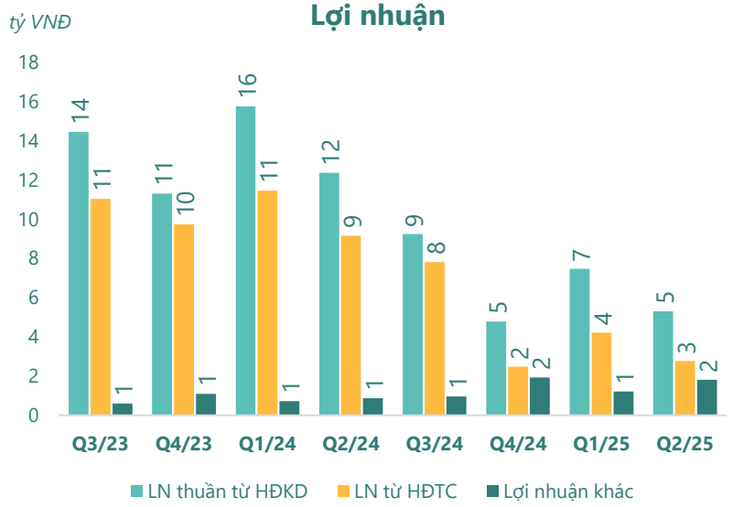
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



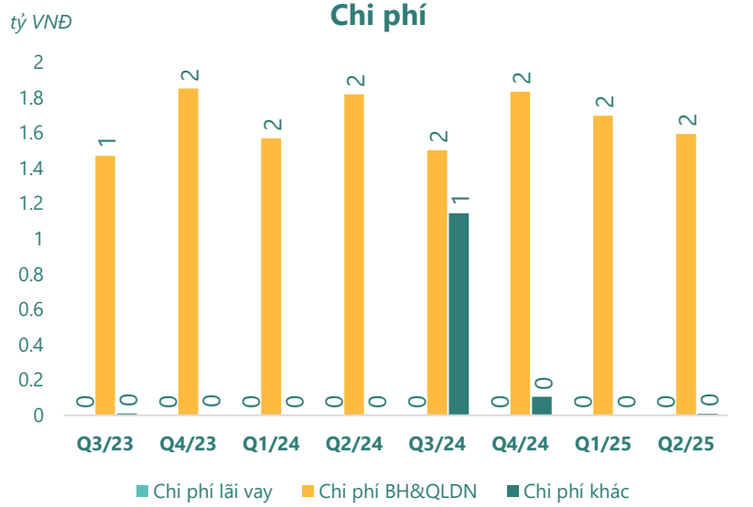
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



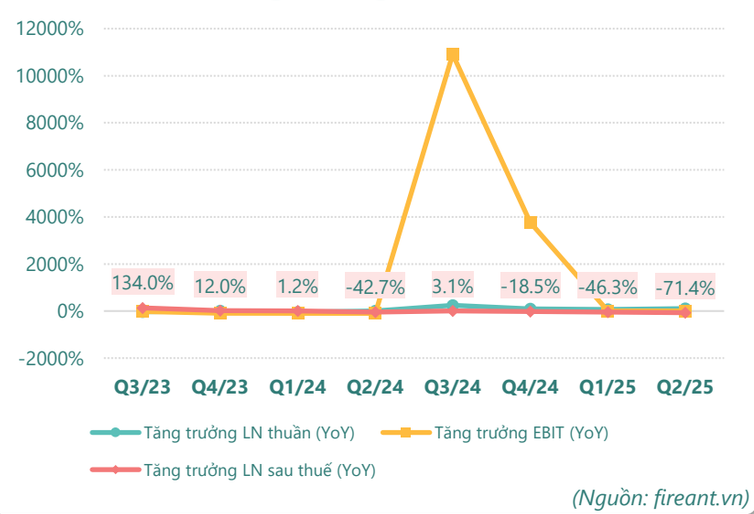
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



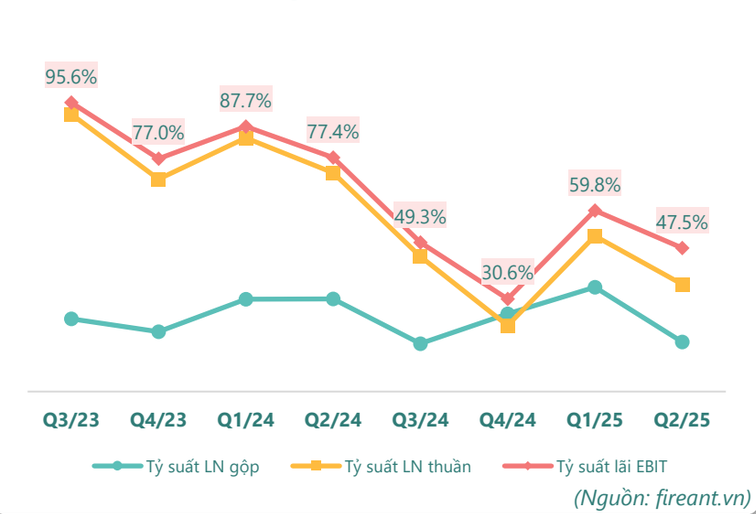
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



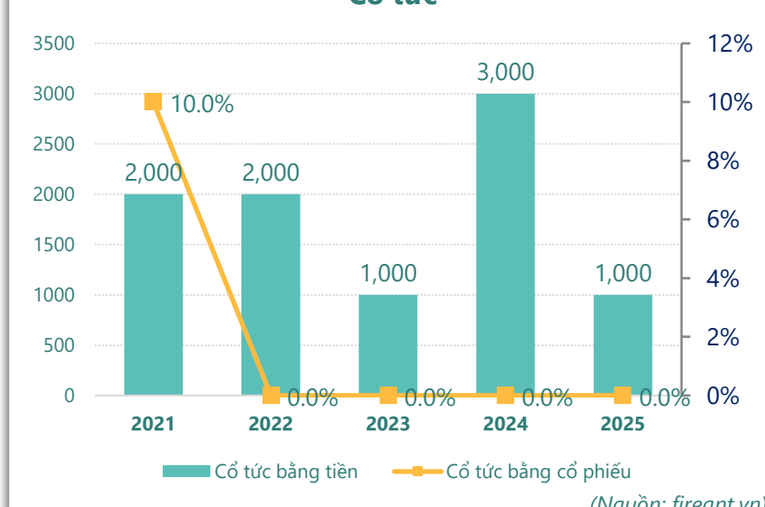
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



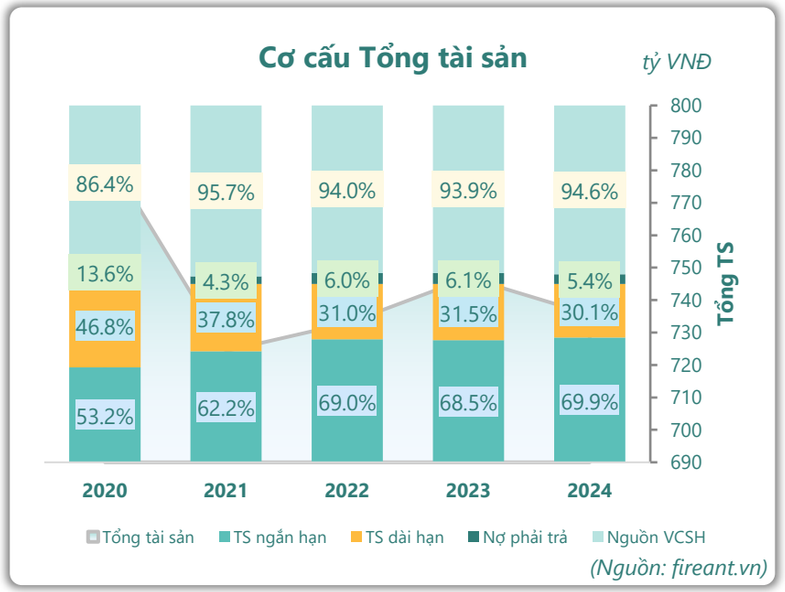
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

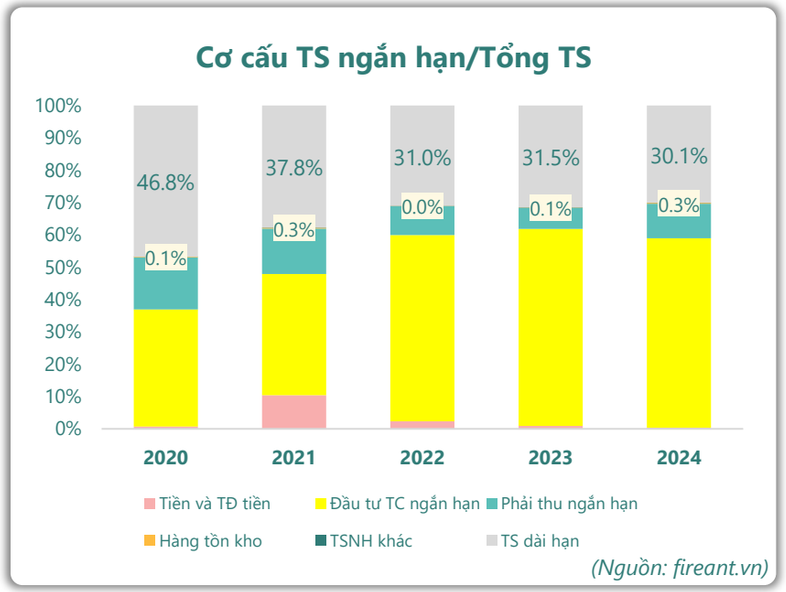


(Nguồn: fireant.vn)

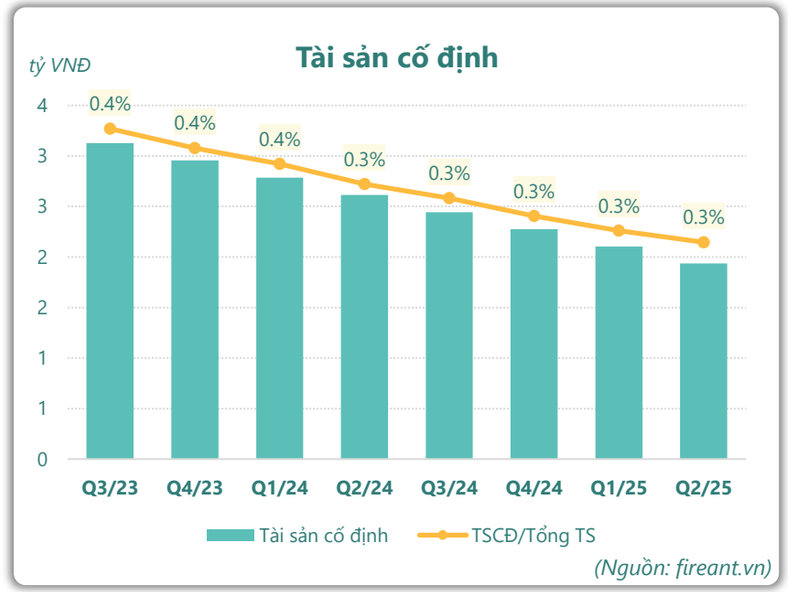
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



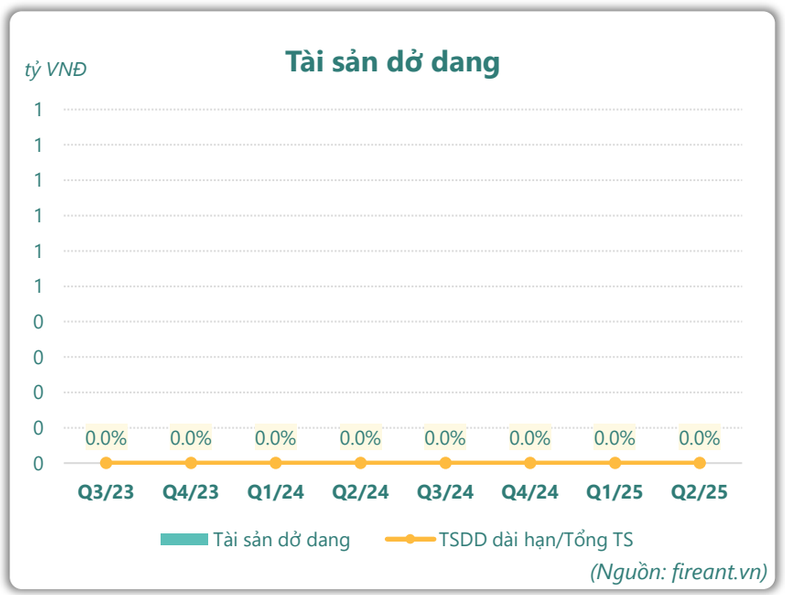
(Nguồn: fireant.vn)



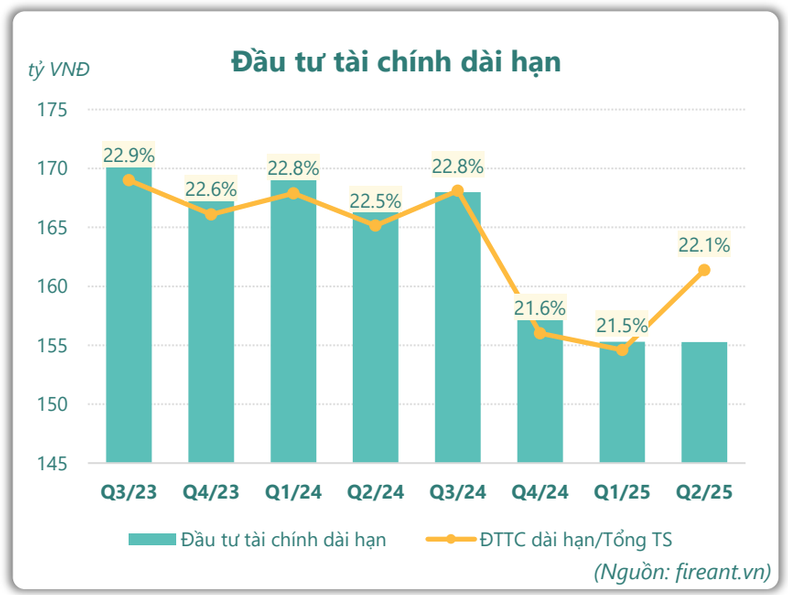
(Nguồn: fireant.vn)



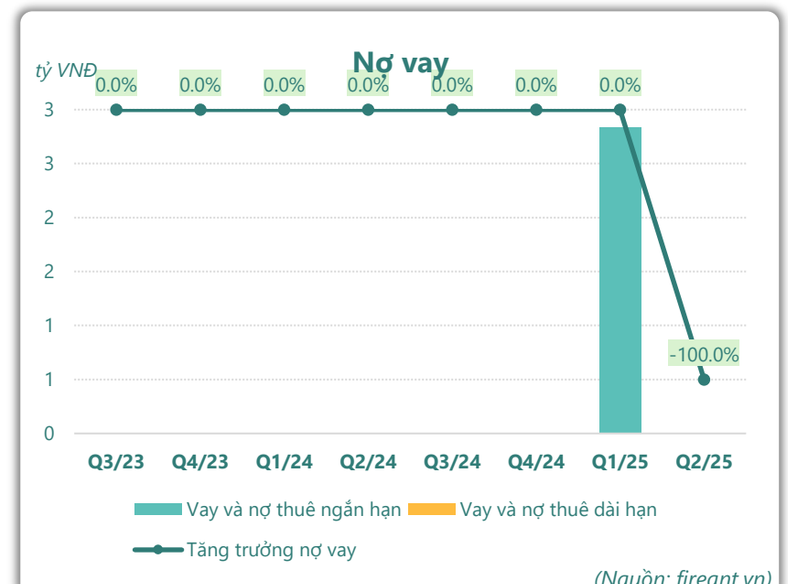
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



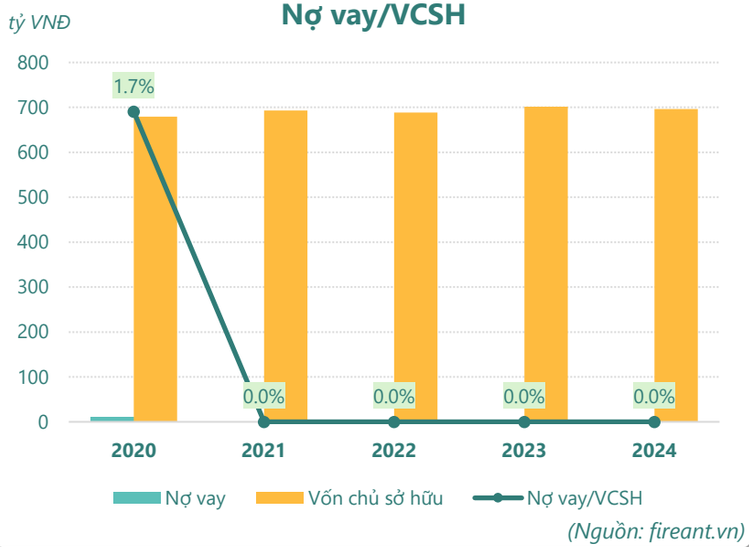
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

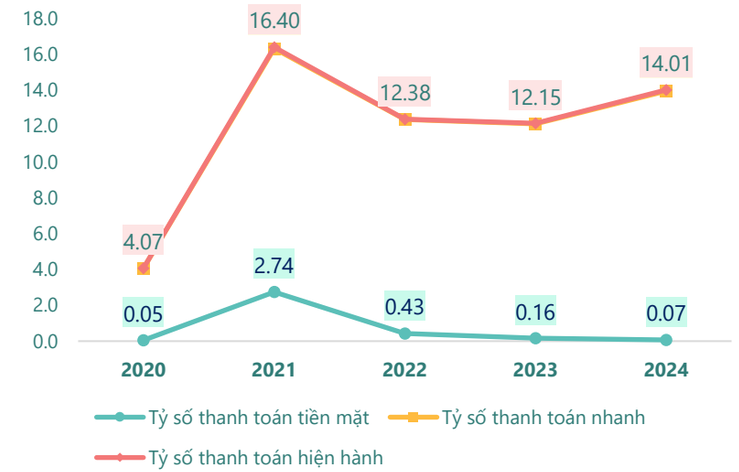
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



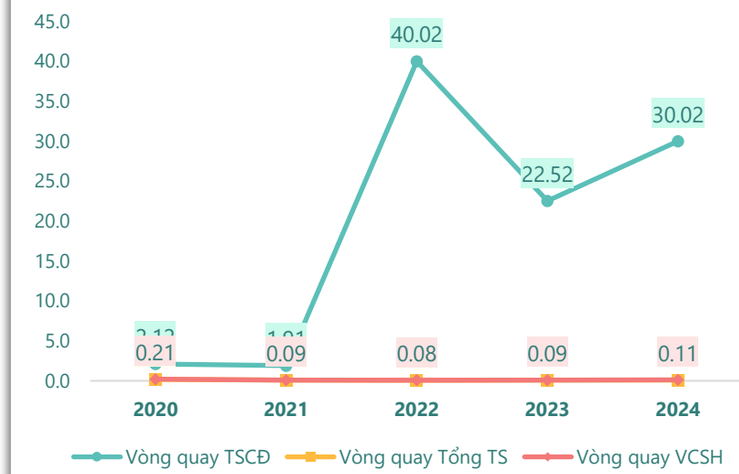
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



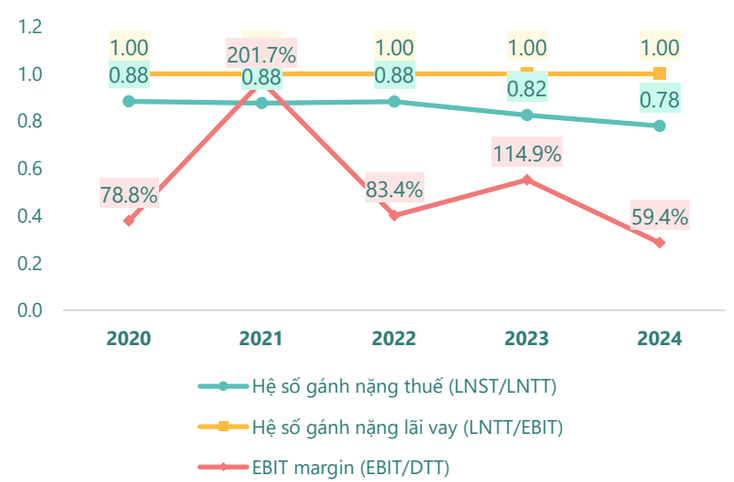
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



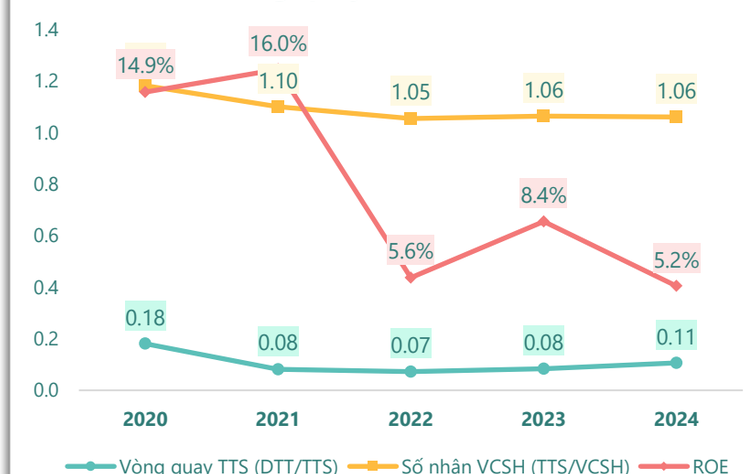
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



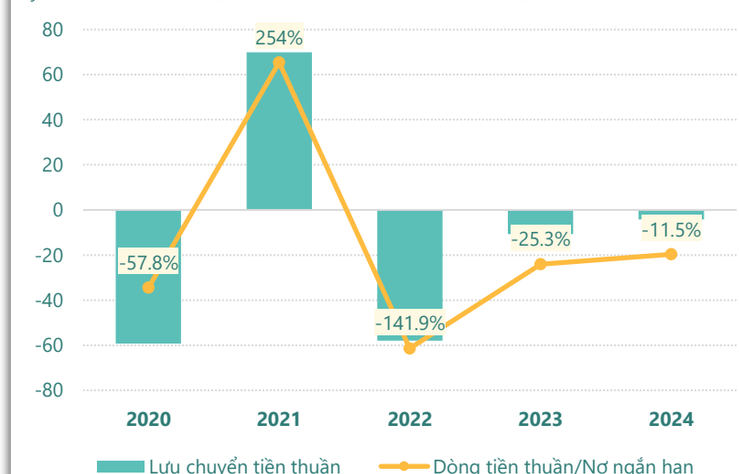
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**15.0**	**17.1**	**-12.4%**	**29.5**	**35.9**	**-17.8%**
Giá vốn hàng bán	12.5	11.9	5.2%	22.0	24.9	-11.6%
Lợi nhuận gộp	2.46	5.23	-53.0%	7.47	11.0	-31.8%
Doanh thu HĐTC	7.10	9.26	-23.4%	12.5	17.5	-28.7%
Chi phí TC	4.33	0.10	4231%	5.52	-3.09	279%
Chi phí lãi vay	0.00	0.00		0.00	0.00	-93.7%
LN trong công ty LKLD	**1.68**	**-0.20**	**939%**	**1.63**	**-0.07**	**2595%**
Chi phí bán hàng	0.13	0.08	60.4%	0.19	0.14	35.0%
Chi phí QLDN	**1.47**	**1.74**	**-15.7%**	**3.10**	**3.25**	**-4.5%**
LN thuần từ HĐKD	5.31	12.4	-57.2%	12.8	28.1	-54.6%
Lợi nhuận khác	**1.80**	**0.87**	**107%**	**3.02**	**1.58**	**91.3%**
LN trước thuế	7.11	13.2	-46.1%	15.8	29.7	-46.8%
Lợi nhuận sau thuế	**6.37**	**10.6**	**-39.9%**	**13.3**	**23.8**	**-44.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.37**	**10.6**	**-39.9%**	**13.3**	**23.8**	**-44.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.88	-16.5	15.2	-49.1	-11.1	-2.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.5	11.7	-15.9	49.6	23.6	26.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.7	-0.39	0.39	0	-13.0	-23.5
Tiền đầu kỳ	6.70	7.46	2.25	1.92	2.47	2.02
Lưu chuyển tiền thuần	**0.76**	**-5.21**	**-0.33**	**0.55**	**-0.45**	**1.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	7.46	2.25	1.92	2.47	2.02	3.15

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**701**	**736**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	483	515	-6.2%
Tiền và tương đương tiền	3.15	2.47	27.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	399	431	-7.4%
Phải thu ngắn hạn	78.9	78.5	0.5%
Hàng tồn kho	1.22	1.90	-35.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.29	-50.5%
Tài sản dài hạn	**219**	**221**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.94	2.27	-14.9%
Bất động sản đầu tư	51.7	54.3	-4.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	155	157	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	**9.69**	**7.51**	**28.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	17.8	39.6	-55.0%
Nợ ngắn hạn	**15.4**	**36.7**	**-58.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.04	0.71	45.1%
Nợ dài hạn	2.46	2.83	-13.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**684**	**696**	**-1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**684**	**696**	**-1.8%**
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)